

THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ THỂ THAO Ở HOA KỲ

THE CURRENT STATE AND FUTURE TRENDS OF SPORT MANAGEMENT PROGRAMS IN THE UNITED STATES

TÓM TẮT: Ngành công nghiệp thể thao toàn cầu, dự kiến đạt 600 tỷ đô la vào năm 2030, đòi hỏi đội ngũ chuyên gia có năng lực cao. Nghiên cứu này đánh giá sự phát triển của các chương trình quản lý thể thao tại Hoa Kỳ kể từ năm 1966, tập trung vào xu hướng và thách thức hiện tại. Kết quả chỉ ra rằng: (1) Công nghệ dữ liệu như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, và tiếp thị kỹ thuật số ngày càng quan trọng trong chương trình giảng dạy; (2) Quốc tế hóa được thúc đẩy qua quản lý đa văn hóa và mở rộng thị trường toàn cầu, dù cơ hội thực tập quốc tế còn hạn chế; (3) Giáo dục khởi nghiệp khuyến khích đổi mới nhưng cần hỗ trợ mạnh mẽ hơn. Nghiên cứu đề xuất tích hợp sâu công nghệ, tăng cường hợp tác toàn cầu, mở rộng thực tập quốc tế, và hỗ trợ khởi nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu ngành, chuẩn bị tốt cho sinh viên góp phần phát triển bền vững lĩnh vực thể thao.

TỪ KHÓA: Thực trạng, xu hướng phát triển, Chương trình Quản lý Thể thao.

ABSTRACT: The global sports industry, projected to reach \$600 billion by 2030, demands a highly skilled workforce. This study evaluates the development of sports management programs in the United States since 1966, focusing on current trends and challenges. The findings reveal that: (1) Data technologies, such as artificial intelligence (AI), big data, and digital marketing, are increasingly pivotal in curricula; (2) Internationalization is being promoted through multicultural management and global market expansion, although international internship opportunities remain limited; (3) Entrepreneurship education fosters innovation but requires stronger support systems. The study suggests deeper integration of technology, enhanced global partnerships, expanded international internships, and stronger entrepreneurship support to meet industry demands. These efforts aim to better prepare students to contribute to the sustainable development of the sports sector.

KEYWORDS: Current status, development trends, sports management program.

NGUYỄN VĂN BẮC
MARK LIN, WEN-LONG
Trưởng Đại học Thể thao Quốc Gia
Đài Loan

NGUYEN VAN BAC
MARK LIN, WEN-LONG
National Taiwan University of Sport

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thể thao là một ngành công nghiệp đa diện tích hợp kinh doanh, công nghệ và văn hóa, ngành công nghiệp thể thao đã trải qua sự tăng trưởng nhanh chóng trên toàn cầu trong những năm gần đây. Theo dự báo thị trường, quy mô thị trường của ngành thể thao toàn cầu dự kiến sẽ vượt 600 tỷ USD vào năm 2030, trở thành một trong những động lực chính

của phát triển kinh tế. Sự tăng trưởng của ngành không chỉ dựa vào việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến mà còn dựa vào sự hỗ trợ của các chuyên gia có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành [6]. Trong bối cảnh đó, các chương trình quản lý thể thao đã trở thành một hệ thống giáo dục quan trọng để đào tạo các chuyên gia cấp cao.

Hoa Kỳ có nền tảng vững chắc và ảnh hưởng toàn cầu



trong giáo dục quản lý thể thao. Năm 1966, Đại học Ohio đã thành lập chương trình quản lý thể thao đầu tiên trên thế giới, đánh dấu sự khởi đầu của một kỷ nguyên mới trong giáo dục quản lý thể thao. Đến năm 2024, có đến 417 cơ sở giáo dục trên khắp Hoa Kỳ cung cấp 627 chương trình quản lý thể thao, trải dài từ bậc đại học, thạc sĩ đến tiến sĩ. Các chương trình này bao gồm một loạt các lĩnh vực chuyên ngành, bao gồm tiếp thị thể thao, quản lý tài chính, phân tích dữ liệu và các vấn đề pháp lý và đạo đức [13]. Thiết kế và phát triển của chúng đóng vai trò là tài liệu tham khảo quan trọng cho các quốc gia khác.

Tuy nhiên, với sự tiến bộ của toàn cầu hóa và số hóa, thiết kế truyền thống của các chương trình quản lý thể thao đang phải đối mặt với những thách thức mới: (1) Thiếu tiêu chuẩn hóa: Sự khác biệt về nội dung khóa học giữa các trường dẫn đến trình độ kỹ năng của sinh viên không đồng đều, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực cung cấp cho ngành. (2) Tích hợp công nghệ chưa cao: Sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ như phân tích dữ liệu, quản lý dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo đòi hỏi phải kết hợp linh hoạt hơn kiến thức tiên tiến vào các chương trình. (3) Hạn chế trong quốc tế hóa: Mặc dù nhu cầu toàn cầu ngày càng tăng, nhưng vẫn còn tương đối ít chú trọng đến quản lý đa văn hóa và phân tích thị trường quốc tế trong các chương trình. (4) Cung cấp giá trị ứng dụng

thực tiễn: Cơ hội thực tập cho sinh viên, hỗ trợ khởi nghiệp và mức lương sau khi tốt nghiệp là những chỉ số quan trọng về hiệu quả của chương trình. Nghiên cứu này nhằm mục đích phân tích các khía cạnh này và đề xuất các khuyến nghị có mục tiêu để giúp các cơ sở giáo dục thiết lập mối quan hệ chặt chẽ hơn với ngành thể thao, đạt được sự thúc đẩy lẫn nhau giữa giáo dục và nhu cầu của ngành.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng kết hợp phương pháp phân tích tài liệu và nghiên cứu điển hình để khám phá một cách có hệ thống sự phát triển và những thách thức của các chương trình quản lý thể thao ở Hoa Kỳ. Dữ liệu ngành cũng được phân tích chuyên sâu để đưa ra các kiến nghị.

Phương pháp phân tích tài liệu: Nghiên cứu tham khảo các tài liệu học thuật và báo cáo ngành từ năm 2000 đến năm 2024, tóm tắt lịch sử, xu hướng phát triển và những thách thức mà các chương trình quản lý thể thao phải đối mặt [6], [8]. Thông qua đánh giá có hệ thống, các đặc điểm chính của thiết kế chương trình giảng dạy được chọn lọc.

Phương pháp nghiên cứu điển hình: Năm cơ sở giáo dục đại học tiêu biểu ở Hoa Kỳ đã được chọn để phân tích điển hình: (1) Đại học Ohio: Kiểm tra chương trình thực tập của trường kết hợp với NBA và tác động của nó trong việc nâng cao năng lực chuyên môn của sinh viên. (2) Đại học New York: Phân tích ảnh hưởng của giáo

dục công nghệ dữ liệu và cơ hội thực tập quốc tế đối với sinh viên. (3) Đại học Michigan: Khám phá kết quả thực tế của các khóa học về đổi mới công nghệ và mô phỏng kinh doanh. (4) Đại học Florida: Tập trung vào thiết kế và kết quả của các mô-đun thể thao điện tử và phân tích dữ liệu. (5) Đại học Oregon: Nêu bật mối quan hệ hợp tác của trường với Nike trong việc phát triển mô-đun chương trình giảng dạy tập trung vào các chiến lược dựa trên dữ liệu nghiên cứu.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng của các chương trình Quản lý thể thao ở Hoa Kỳ

Các chương trình quản lý thể thao của Hoa Kỳ đã phát triển thành một mô hình giáo dục có ảnh hưởng toàn cầu. Kể từ khi Đại học Ohio khởi động chương trình đầu tiên vào năm 1966, lĩnh vực này đã trải qua nhiều đổi mới và mở rộng. Đến năm 2024, hơn 417 cơ sở giáo dục tại Hoa Kỳ cung cấp 627 chương trình quản lý thể thao [8], [12]. Các chương trình này trải dài trên nhiều bậc học, tích hợp các chủ đề như quản lý cơ sở vật chất, địa điểm thông minh, phân tích dữ liệu và tính bền vững, phản ánh sự liên kết chặt chẽ giữa lý thuyết học thuật và nhu cầu của ngành.

Các nghiên cứu điển hình minh chứng cho những điểm mạnh của các chương trình như: (1) Đại học Ohio chú trọng hợp tác giữa ngành và học viện, cung cấp chương trình thực tập với NBA trang bị cho sinh viên

các kỹ năng về xây dựng thương hiệu và quản lý sự kiện, nâng cao đáng kể năng lực cạnh tranh nghề nghiệp của họ [2]. (2) Đại học New York tích hợp giáo dục dựa trên dữ liệu, cho phép sinh viên sử dụng dữ liệu thực tế để thiết kế chiến lược bán vé nhằm tối ưu hóa doanh thu, thể hiện hiệu quả thực tế của chương trình giảng dạy lấy dữ liệu làm trung tâm [15]

2.2. Sự đa dạng trong chương trình Quản lý thể thao ở Hoa Kỳ

Các chương trình quản lý thể thao ở Hoa Kỳ hướng tới sự cân bằng giữa đa dạng hóa và tiêu chuẩn hóa. Đa dạng hóa giúp linh hoạt và đổi mới để đáp ứng nhu cầu đa dạng, trong khi tiêu chuẩn hóa đảm bảo chất lượng chương trình đồng đều, đáp ứng yêu cầu của ngành. Sự đa dạng thể hiện rõ trong thiết kế chương trình giảng dạy, cụ thể như sau:

2.2.1 Chương trình giảng dạy đa ngành

Các chương trình bao gồm các ngành như tiếp thị, phân tích dữ liệu, luật và đạo đức, và quản lý tài chính để đáp ứng nhu cầu đa dạng của ngành thể thao [6]. (1) Đại học Ohio: Các mô-đun thực hành như tiếp thị thương hiệu và quản lý sự kiện, được phát triển với sự hợp tác của NBA, cung cấp cơ hội thực tập [2]. (2) Đại học Michigan: Tập trung vào đổi mới công nghệ, cung cấp các khóa học về ứng dụng AI trong phân tích sức khỏe người chơi và quản lý thể thao điện tử [10].

2.2.2 Khả năng thích ứng với văn hóa và nhu cầu khu vực

Các chương trình thể hiện khả năng thích ứng với văn hóa thể thao và nhu cầu thị trường đặc thù của từng khu vực: (1) Đại học Florida: Chương trình tập trung vào thị trường thể thao điện tử và thể thao sức khỏe nhằm đáp ứng sự phát triển bùng nổ của ngành công nghiệp thể thao điện tử địa phương [14]. (2) Đại học Oregon: Chương trình tận dụng nguồn lực sẵn có bằng cách hợp tác với Nike để xây dựng một mô-đun chuyên biệt về chiến lược định hướng dữ liệu [10].

2.3 Tiêu chuẩn hóa trong chương trình Quản lý thể thao ở Hoa Kỳ

2.3.1 Thiết lập khung chương trình ngành Quản lý thể thao

Dựa theo nỗ lực tiêu chuẩn hóa bao gồm: (1) COSMA (Ủy ban Kiểm định Quản lý Thể thao): Xây dựng các tiêu chuẩn kiểm định bao gồm thiết kế chương trình giảng dạy, chất lượng giảng dạy và hội nhập ngành để duy trì chất lượng cốt lõi của chương trình [1]. (2) Thống nhất tiêu chuẩn học thuật: Các chương trình được công nhận phải bao gồm năm mô-đun cốt lõi: Quản lý tổ chức, tiếp thị, luật và đạo đức, lập kế hoạch tài chính và cơ hội thực tập [9].

2.3.2 Tiêu chuẩn hóa công nghệ và dữ liệu

Đại học New York bắt buộc học Python và Tableau trong chương trình giảng dạy để đảm bảo sinh viên phát triển kỹ năng ra quyết định dựa trên dữ liệu. Cũng như, Đại học Oregon: Sử dụng các phương pháp giảng

dạy điển hình tiêu chuẩn hóa kết hợp với Nike để mô phỏng các chiến lược thị trường toàn cầu, giúp sinh viên giải quyết các thách thức trong thế giới thực [10].

2.3.3 Thiết kế Mô-đun Chương trình giảng dạy linh hoạt

Mô-đun cốt lõi tiêu chuẩn hóa: Chẳng hạn như phân tích dữ liệu, luật và đạo đức. Các môn tự chọn đa dạng: Bao gồm quản lý thể thao điện tử và thiết kế địa điểm thông minh để đáp ứng sở thích cá nhân của sinh viên [14].

2.3.4 Đánh giá và điều chỉnh liên tục

Cơ chế phản hồi từ các trường đại học định kỳ thu thập phản hồi từ cựu sinh viên và các đối tác trong ngành để cập nhật thiết kế khóa học. Ví dụ, Đại học Ohio sửa đổi chương trình giảng dạy ba năm một lần để phù hợp với nhu cầu thị trường [2].

2.4. Phân tích thách thức và cơ hội phát triển của các chương trình Quản lý thể thao ở Hoa Kỳ

2.4.1. Thách thức

Cơ hội thực tập tại nước ngoài hạn chế: Mặc dù có sẵn các chương trình thực tập quốc tế, nhưng tỷ lệ tham gia vẫn còn thấp vì phân bố đơn vị thực tập chưa đồng đều: Các tổ chức nhỏ hơn thiếu quan hệ đối tác với các tổ chức toàn cầu để cung cấp các chương trình thực tập xuyên biên giới. Những rào cản về thị thực và chi phí là vấn đề sinh viên thường gặp phải trong việc thực tập tại nước ngoài [14].

Thách thức trong việc chuẩn



Ảnh minh họa

hóa chương trình giảng dạy: Việc thiếu các tiêu chuẩn quốc tế thống nhất cho các chương trình quản lý thể thao dẫn đến chất lượng không đồng đều: thứ nhất về mục tiêu chương trình giảng dạy khác nhau: Các tổ chức ở các quốc gia khác nhau có sự khác biệt trong việc xác định các kỹ năng cốt lõi và kết quả cho các chương trình. Thứ 2: mất kết nối với ngành: Một số chương trình vẫn còn quá lý thuyết, không giải quyết được các nhu cầu thực tế trong các công ty đa quốc gia [8].

2.4.2. Cơ hội

a. Sự toàn cầu hóa của các sự kiện và thương hiệu thể thao làm tăng nhu cầu về chuyên gia quản lý sự kiện có kỹ năng quốc tế. Các sự kiện toàn cầu như Thế vận hội và World Cup đòi hỏi nhân sự am hiểu thị trường toàn cầu. Các tập đoàn như Nike và Adidas cũng tìm kiếm nhân tài có khả năng quản lý đội nhóm đa văn hóa và hoạch định chiến

lược toàn cầu. Để đáp ứng nhu cầu này, các chương trình đào tạo cần tạo cơ hội học tập toàn cầu cho sinh viên. Ví dụ, Đại học New York hợp tác với các tổ chức châu Âu để cung cấp cơ hội học tập tại EU. Việc lồng ghép các tình huống thực tế như chiến lược tài trợ bóng đá châu Âu hay mô hình phát triển eSports châu Á cũng giúp nâng cao chất lượng đào tạo [2].

b. Các ứng dụng công nghệ kỹ thuật số: Những tiến bộ trong công nghệ cho phép sinh viên phân tích các thị trường khác nhau bằng cách sử dụng dữ liệu và các công cụ AI. Ví dụ, Đại học Michigan đã thiết kế một mô-đun phân tích dữ liệu tập trung vào thị trường châu Âu, đào tạo sinh viên về tiếp thị và hành vi người tiêu dùng theo từng khu vực cụ thể [15].

c. Thúc đẩy hợp tác Quốc tế: chương trình thực tập toàn cầu, hợp tác với các tổ chức như FIFA và IOC để cung cấp cho

sinh viên kinh nghiệm dự án quốc tế. Quan hệ đối tác liên trường Đại học: Thiết lập liên minh toàn cầu để chia sẻ tài nguyên và trao đổi sinh viên [14].

d. Tận dụng các công cụ kỹ thuật số: Thông qua nền tảng học tập từ xa, cung cấp các khóa học toàn cầu và nghiên cứu tình huống liên văn hóa thông qua nền tảng trực tuyến [15]. Ứng dụng AI và Big Data: Sử dụng công nghệ để mô phỏng sự khác biệt về văn hóa trong các thách thức quản lý và phân tích thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của sinh viên với bối cảnh toàn cầu [9].

e. Nâng cao khả năng tìm việc và đổi mới ngành thông qua thực tập và hỗ trợ khởi nghiệp: Thực tập và hỗ trợ khởi nghiệp là những thành phần quan trọng của các chương trình quản lý thể thao. Những yếu tố này không chỉ thúc đẩy khả năng tìm việc của sinh viên mà còn thúc đẩy sự đổi mới trong ngành thể thao.

3. KẾT LUẬN

Các chương trình quản lý thể thao đã tiến bộ nhờ ứng dụng công nghệ dữ liệu, toàn cầu hóa và khởi nghiệp, tuy nhiên vẫn cần cải thiện để đáp ứng nhu cầu thị trường. Thành tựu bao gồm: kỹ năng sinh viên được nâng cao nhờ tích hợp AI và Big Data; tầm nhìn toàn cầu được mở rộng qua hợp tác quốc tế. Dù vậy, vẫn còn những thách thức như: thiếu chuẩn hóa chương trình giảng dạy giữa các trường; hạn chế trong ứng dụng AI, blockchain; thiếu nguồn

lực hỗ trợ khởi nghiệp (kinh phí, cố vấn); và phân bổ không đều cơ hội thực tập quốc tế. Để khắc phục, kiến nghị: nâng cao giảng dạy công nghệ tiên tiến (AI, blockchain) qua các dự án thực tế, hợp tác với công ty công nghệ; thúc đẩy hợp tác quốc tế, thiết lập quan hệ đối tác với

thương hiệu, tổ chức toàn cầu (Nike, Adidas, IOC, FIFA) để tạo cơ hội thực tập, trao đổi sinh viên; tăng cường hỗ trợ khởi nghiệp bằng các chương trình ươm tạo để giúp sinh viên có cơ hội khởi nghiệp, kết nối với chuyên gia và cựu sinh viên; kết hợp chuẩn hóa (theo tiêu chuẩn

COSMA) và linh hoạt trong chương trình, thống nhất học phần cốt lõi và khuyến khích các môn tự chọn mang tính địa phương. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 17/10/2024, ngày phân biện đánh giá: 11/11/2024, ngày chấp nhận đăng: 12/12/2024)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Commission on Sport Management Accreditation (COSMA) (2024), About COSMA, Retrieved from <https://www.cosmaweb.org>.
2. Gillentine, A., & Crow, B. (2023), Enhancing Professional Competitiveness Through Industry-Academia Collaboration in Sports Management. *Journal of Sports Administration and Management*, 15(2), 45-60.
3. Kim, Y. J., & Smith, D. (2021). Sustainability in sport management education. *Journal of Sport and Social Issues*, 45(2), 151-169.
4. Li, M., & Hong, F. (2023). The internationalization of sport management education. *International Journal of Sport Policy and Politics*, 15(1), 12-30.
5. Mahony, D. F., & Howard, D. R. (2020). Current trends in sport management education. *Sport Management Review*, 23(4), 333-345.
6. Pedersen, P. M., & Thibault, L. (2019). *Contemporary Sport Management*. Human Kinetics.
7. PwC. (2023). *The future of sports business: Global trends and implications for education*. PwC Global Sports Report.
8. Ratten, V. (2021). Sports technology: A review of technology and innovation in the sports industry. *Sport, Business and Management*, 11(1), 75-89.
9. Ratten, V. (2023). Entrepreneurship and innovation in sports: A conceptual framework. *Journal of Sport Management*, 37(2), 215-230.
10. Schwarz, E. C., & Hunter, J. (2022). Sport facility management: Trends and opportunities. *Sport Management Education Journal*, 16(2), 45-58.
11. Shilbury, D., & Ferkins, L. (2021). Strategic sport management: A review of theory and practice. *Journal of Sport Management*, 35(2), 101-120.
12. Smith, A. C. T., & Stewart, B. (2020). The evolving role of internships in sport management education. *Sport Management Review*, 23(4), 299-315.
13. Stier, W. (2016). Historical development of sport management programs. *Journal of Sport History*, 43(1), 45-63.
14. Turner, M., & Taylor, M. (2024). Sport leadership in a digital age: Challenges and opportunities. *Journal of Leadership in Sport*, 14(3), 200-215
15. Watanabe, N., Smith, A., & Taylor, J. (2022), Data-Driven Curriculum Design in Sports Management: A Case Study at New York University. *Journal of Sports Analytics and Education*, 8(4), 101-119.